



# MASTER LEDtube EM/ Mains T8

## MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8

Philips MASTER LEDtube tích hợp nguồn sáng LED vào dạng đèn huỳnh quang truyền thống. Thiết kế độc đáo của sản phẩm tạo ra hình ảnh về ngoài đồng nhất hoàn hảo, khó có thể phân biệt với đèn huỳnh quang truyền thống. Những đèn tuýp LED T8 này là sự lựa chọn phù hợp cho hiệu suất tuyệt đối và được thiết kế để thích ứng với các điều kiện hàng ngày. Khả năng tiết kiệm vô song nhờ mức tiêu thụ năng lượng rất thấp và tuổi thọ siêu dài của đèn tuýp này chắc chắn sẽ chinh phục được mọi ứng dụng có yêu cầu cao.

### Cảnh báo và An toàn

• LƯU Ý: Hiệu quả năng lượng tổng thể và phân phối ánh sáng của hệ thống sử dụng những đèn này tùy thuộc vào thiết kế lắp đặt.

### Dữ liệu sản phẩm

| Thông tin chung                   |                                                |
|-----------------------------------|------------------------------------------------|
| Đế dui đèn                        | G13 ROT (Rotating) [Medium Bi-Pin Fluorescent] |
| Tuổi thọ danh định                | 70.000 h                                       |
| Chu kỳ bật/tắt                    | 200.000                                        |
| Công nghệ chiếu sáng              | LED                                            |
| Tuân thủ tiêu chuẩn RoHS châu Âu  | Có                                             |
| Thông tin kỹ thuật về đèn         |                                                |
| Mã màu                            | 840 [CCT of 4000K]                             |
| Góc chùm sáng (Danh định)         | 160 °                                          |
| Quang thông                       | 2.500 lm                                       |
| Ký hiệu màu sắc                   | Trắng mát (CW)                                 |
| Nhiệt độ màu tương ứng (Nom)      | 4000 K                                         |
| Quang hiệu (định mức) (Danh định) | 172,00 lm/W                                    |

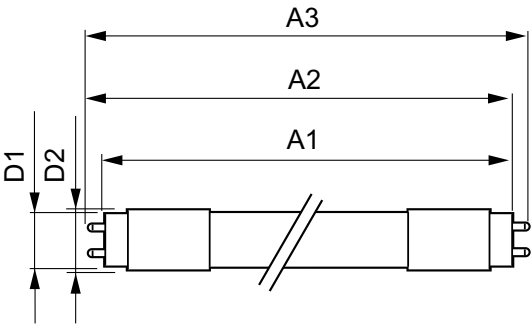
| Độ đồng nhất màu sắc                             | <6           |
|--------------------------------------------------|--------------|
| Chỉ số hoàn màu (CRI)                            | 83           |
| LLMF khi kết thúc tuổi thọ danh định (Danh định) | 70 %         |
| Vận hành và điện                                 |              |
| Tần số dòng                                      | 50 to 60 Hz  |
| Tần số đầu vào                                   | 50 đến 60 Hz |
| Mức tiêu thụ điện                                | 14,5 W       |
| Dòng điện bóng đèn (Tối đa)                      | 74 mA        |
| Dòng điện bóng đèn (Tối thiểu)                   | 56 mA        |
| Thời gian khởi động (Danh định)                  | 0,5 s        |
| Thời gian khởi động đạt đến 60% độ sáng          | 0.5 s        |
| Hệ số công suất (Tỷ lệ)                          | 0.9          |

# MASTER LEDtube EM/Mains T8

|                                         |                                               |
|-----------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Điện áp (Danh định)                     | 220-240 V                                     |
| <b>Nhiệt độ</b>                         |                                               |
| Đáy nhiệt độ màu ánh sáng               | -20 °C đến 35 °C                              |
| Nhiệt độ vỏ tối đa (Danh định)          | 55 °C                                         |
| <b>Điều khiển và điều chỉnh độ sáng</b> |                                               |
| Có thể điều chỉnh độ sáng               | Không                                         |
| <b>Cơ khí và vỏ đèn</b>                 |                                               |
| Vật liệu bóng đèn                       | Nhựa                                          |
| Chiều dài sản phẩm                      | 1.200 mm                                      |
| <b>Phê duyệt và ứng dụng</b>            |                                               |
| Sản phẩm tiết kiệm năng lượng           | Có                                            |
| Dấu phê duyệt                           | TUV Dấu CE Tuân thủ RoHS Chứng nhận KEMA Keur |

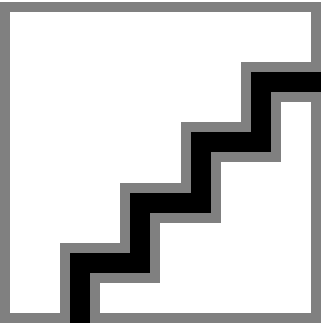
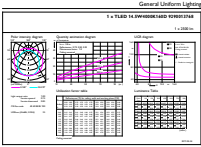
|                                    |                                    |
|------------------------------------|------------------------------------|
| Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h | 15 kWh                             |
| <b>Dữ liệu sản phẩm</b>            |                                    |
| Tên sản phẩm khác                  | MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8 |
| Tên sản phẩm đầy đủ                | MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8 |
| Mã sản phẩm đầy đủ                 | 871869673150500                    |
| Mã đơn hàng                        | 929001376802                       |
| Số vật liệu (12NC)                 | 929001376802                       |
| Phần tử - Số lượng trên một bộ     | 1                                  |
| EAN/UPC - Sản phẩm/Hộp             | 8718696731505                      |
| Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài | 10                                 |
| EAN/UPC - Vỏ                       | 8718696731512                      |

## Bản vẽ kích thước



| Product                            | D1      | D2    | A1         | A2         | A3         |
|------------------------------------|---------|-------|------------|------------|------------|
| MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8 | 25,8 mm | 28 mm | 1.198,2 mm | 1.205,3 mm | 1.212,4 mm |

## Dữ liệu phân bố ánh sáng

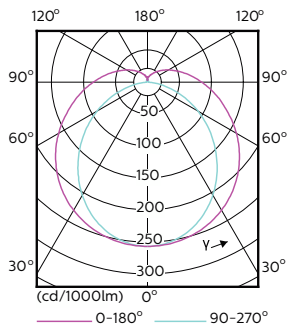


General uniform lighting - MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8

Spectral Power Distribution Colour - MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8

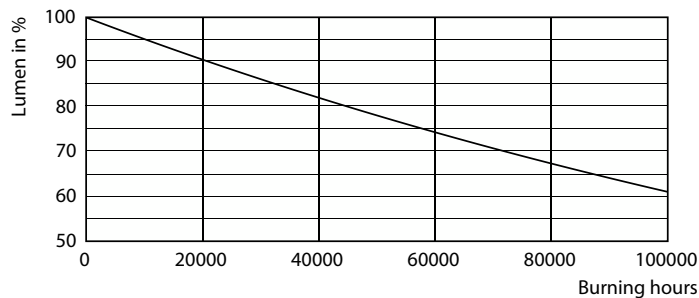
# MASTER LEDtube EM/Mains T8

## Dữ liệu phân bố ánh sáng

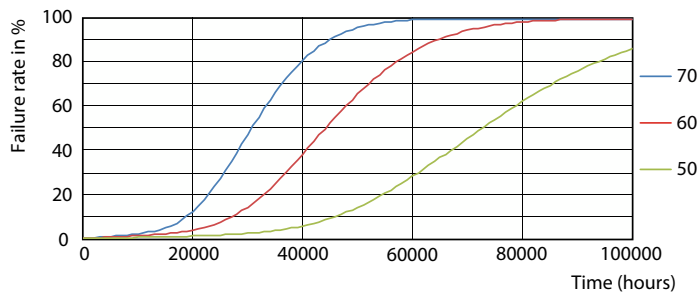


Light Distribution Diagram - MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8

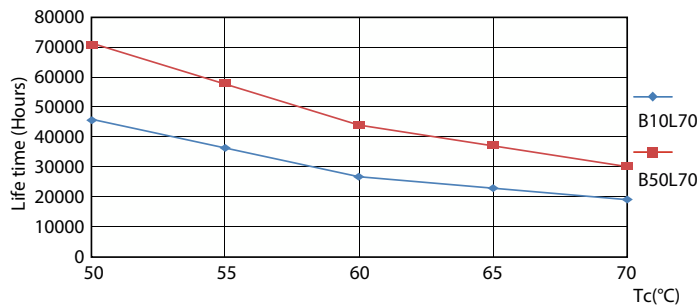
## Tuổi thọ



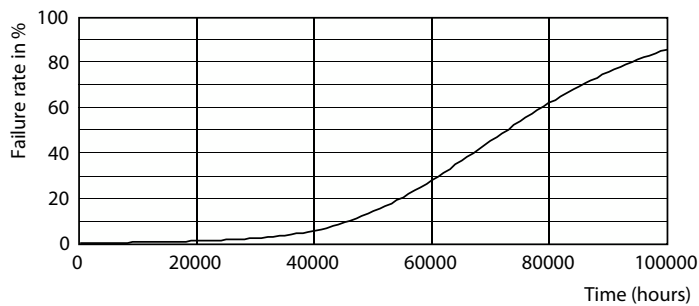
Lumen Maintenance Diagram - MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8



Life Expectancy Diagram - MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8



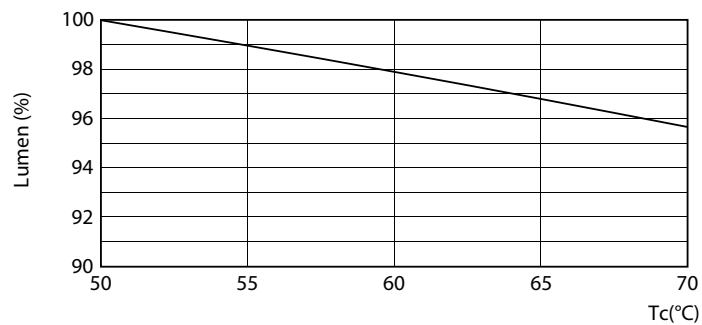
Life Expectancy Diagram - MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8



Life Expectancy Diagram - MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8

## MASTER LEDtube EM/Mains T8

### Tuổi thọ



Lumen Maintenance Diagram - MAS LEDtube 1200mm UE 14.5W 840 T8

